

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1610 /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2024**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 2147-QĐ/TU ngày 08/8/2024 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 680/TTr-SNV ngày 26/9/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2024.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, các Hội đặc thù cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *g*

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TTPVHCC.

*Huandn*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Huy Dũng**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

**Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2024**

(Kèm theo Quyết định số 2610 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định tiêu chí, hồ sơ, trình tự, thủ tục, quy trình thực hiện đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 đối với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các Hội đặc thù cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương).

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/09/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ; Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên; Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên; Trường Cao đẳng Thái Nguyên.

3. Các Hội đặc thù cấp tỉnh, bao gồm: Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Thái Nguyên; Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên; Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên; Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên; Hội Đông y tỉnh Thái Nguyên; Hội Nhà báo tỉnh Thái Nguyên.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

### **Điều 3. Mục đích, yêu cầu**

#### **1. Mục đích**

Thông qua đánh giá, xếp loại phản ánh đúng chất lượng, mức độ, hiệu quả hoạt động đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao và các yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp để phát huy các mặt tích cực, khắc phục các mặt yếu kém; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; phát huy vai trò của người đứng đầu và nâng cao tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

#### **2. Yêu cầu**

- Kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cơ quan, đơn vị, địa phương là căn cứ chủ yếu, quan trọng để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cơ quan, đơn vị, địa phương hằng năm đảm bảo chính xác, khách quan, thực chất. Kết quả đánh giá được công bố công khai theo quy định.

- Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện định kỳ hằng năm và thông qua ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin.

### **Điều 4. Nguyên tắc đánh giá**

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng; đúng thẩm quyền và trách nhiệm.

2. Cấp trên đánh giá cấp dưới (*Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương*) và đảm bảo đánh giá toàn diện, đa chiều (*các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá chấm điểm và Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định điểm tự đánh giá*).

3. Phương pháp, tiêu chí đánh giá phải gắn với chức năng, nhiệm vụ. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ phải phù hợp với hiệu quả, chất lượng thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cơ quan, đơn vị, địa phương với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ công chức, viên chức, người lao động.

5. Mức xếp loại của người đứng đầu không được cao hơn mức xếp loại của tổ chức, cơ quan, đơn vị do mình đứng đầu, trừ trường hợp người đứng đầu mới chuyển đến không liên quan mức xếp loại của tổ chức, cơ quan, đơn vị mới.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ phải được thực hiện thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

**Chương II**  
**NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI MỨC ĐỘ**  
**HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ**

**Điều 5. Khung tiêu chí đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

Theo các Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III và Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

**Điều 6. Nội dung, thang điểm, phương pháp đánh giá, cách tính điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

**1. Nội dung đánh giá**

a) Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Thực hiện theo Khung tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành tại Quy chế này (có các Phụ lục kèm theo).

**2. Thang điểm đánh giá là 100 điểm**

a) Điểm tự chấm/thẩm định: Tối đa 80 điểm

b) Điểm đánh giá của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Tối đa 20 điểm.

**3. Phương pháp đánh giá**

Căn cứ tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được phê duyệt tại Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, địa phương tự theo dõi, đánh giá, chấm điểm mức độ đạt được của từng tiêu chí theo 4 cấp độ (Xuất sắc, Tốt, Trung bình, Kém) và đề xuất tự xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo 04 mức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, “Hoàn thành nhiệm vụ” và “Không hoàn thành nhiệm vụ” làm cơ sở để cấp có thẩm quyền thẩm định điểm tự đánh giá, chấm điểm và đề xuất xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

**4. Cách tính điểm**

a) Tính điểm số của mỗi tiêu chí căn cứ vào kết quả, mức độ thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ. Điểm tối đa của tiêu chí được tính trong trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ ở mức cao nhất. Các nhiệm vụ không thực hiện, thực hiện không đầy đủ thì tùy theo mức độ thực hiện mà trừ đi số điểm trong tổng số điểm.

b) Đối với cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ thực hiện trong thực tế chưa hoàn toàn phù hợp với tiêu chí đã được quy định nhưng có nội dung tương tự thì xác định kết quả của công việc tương tự đó và vận dụng để tính điểm cho tiêu chí.

c) Kết quả để xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ là tổng số điểm đạt được sau khi thẩm định và xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp. Điểm số được tính sau dấu phẩy “hai chữ số”. Nếu sau dấu phẩy “hai chữ số” có đơn vị bằng điểm nhau thì tính đến sau dấu phẩy “ba chữ số”.

\* Trường hợp vẫn tiếp tục bằng điểm nhau do Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định.

d) Cách chấm điểm cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

## **Điều 7. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

### **1. Phân loại Khối để xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

Việc xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được phân thành 04 Khối. Cụ thể như sau:

- a) Khối các sở, ban, ngành.
- b) Khối Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
- c) Khối các đơn vị sự nghiệp công lập.
- d) Khối các Hội đặc thù cấp tỉnh.

### **2. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được phân thành 04 mức, cụ thể như sau:**

#### **a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**

- Tỷ lệ xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% trên tổng số cơ quan, đơn vị, địa phương được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” theo từng nhóm đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, khoản 1, Điều 6, Quy chế này và được lấy từ số điểm cao xuống thấp cho đến khi hết số lượng quy định.

- Số lượng tối đa các cơ quan, đơn vị, địa phương được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, cụ thể như sau:

- + 04 Sở, ban, ngành.
- + 02 Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
- + 01 Đơn vị sự nghiệp công lập.
- + 01 Hội đặc thù.

- Tiêu chuẩn xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, là cơ quan, đơn vị đạt được tất cả các điều kiện sau:

+ Có thành tích nổi bật; khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, điển hình để các cơ quan, đơn vị, địa phương khác học tập, noi theo.

+ Có tổng số điểm “thẩm định” đạt được từ 90 điểm trở lên.

+ Không có tổ chức trực thuộc hoặc Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc cấp ủy viên (từ Ủy viên Ban Thường vụ trở lên đối với cấp huyện) bị xử lý kỷ luật và không có cán bộ, công chức, viên chức bị tam giam, tạm giữ, khởi tố, truy tố theo quy định của pháp luật.

+ Các tiêu chí đánh giá đều được xếp loại chất lượng mức “Tốt” trở lên; trong đó những tiêu chí thuộc nội dung kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm phải được xếp loại chất lượng mức “Xuất sắc” bằng sản phẩm cụ thể.

**b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ**

Là những cơ quan, đơn vị đạt được tất cả những điều kiện sau:

- Có tổng số điểm “thẩm định” đạt được từ 70 điểm đến dưới 90 điểm.
- Không có tổ chức trực thuộc hoặc Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc cấp ủy viên (từ Ủy viên Ban Thường vụ trở lên đối với cấp huyện) bị xử lý kỷ luật (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).
- Có các tiêu chí đánh giá được xếp loại chất lượng mức “Trung bình” trở lên; trong đó những tiêu chí về thuộc nội dung kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm được xếp loại chất lượng mức “Tốt” trở lên bằng sản phẩm cụ thể.

**c) Hoàn thành nhiệm vụ**

Là những cơ quan, đơn vị đạt được tất cả những điều kiện sau:

- Tổng số “thẩm định” đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.
- Không có tổ chức trực thuộc hoặc Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc cấp ủy viên (từ Ủy viên Ban Thường vụ trở lên đối với cấp huyện) bị xử lý kỷ luật (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).
- Các tiêu chí được xếp loại chất lượng mức “Trung bình” trở lên bằng sản phẩm cụ thể.

**d) Không hoàn thành nhiệm vụ**

Là những cơ quan, đơn vị có một trong những điều kiện sau:

- Tổng số “thẩm định” đạt dưới 50 điểm.
- Có tổ chức trực thuộc hoặc Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương và cấp ủy viên (từ Ủy viên Ban Thường vụ trở lên đối với cấp huyện) bị xử lý kỷ luật (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả) hoặc được cấp có thẩm quyền đánh giá, kết luận mất đoàn kết nội bộ hoặc có trên 20% số đơn vị trực thuộc bị kỷ luật trong năm.
- Có đơn vị trực thuộc xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc các vi phạm khác bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).
- Có dưới 50% số tiêu chí thuộc nội dung kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm được xếp loại chất lượng mức “kém” bằng sản phẩm cụ thể (trừ trường hợp bất khả kháng).

**3.** Trường hợp Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức có khuyết điểm, vi phạm xảy ra ở cơ quan, đơn vị, địa phương cũ nhưng bị xử lý kỷ luật và thi hành kỷ luật ở cơ quan, đơn vị, địa phương mới chuyển đến thì tính vào kết quả đánh giá, xếp loại của cơ quan, đơn vị, địa phương cũ (không quy trách nhiệm cho cơ quan, đơn vị, địa phương mới).

### **Chương III**

## **QUY TRÌNH, THỜI GIAN THỰC HIỆN**

**Điều 8. Xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

#### **1. Tự đánh giá, chấm điểm**

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành họp và tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

b) Kết quả tự đánh giá, xếp loại phải thông qua tập thể Lãnh đạo, quản lý cơ quan, đơn vị, địa phương trước khi gửi Hội đồng thẩm định của tỉnh.

#### **2. Thời gian gửi hồ sơ tự đánh giá, chấm điểm**

a) Gửi hồ sơ tự đánh giá, chấm điểm, đề xuất xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đến Hội đồng thẩm định của tỉnh (qua Sở Nội vụ - cơ quan thường trực) **trước ngày 25 tháng 11 năm 2024.**

b) Hồ sơ đánh giá, chấm điểm, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ phải thể hiện đầy đủ điểm số thực tế của từng tiêu chí, tổng số điểm đạt được, đồng thời cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng, chứng minh cho kết quả tự chấm điểm và giải trình chi tiết, cụ thể, ngắn gọn với điểm số tự chấm.

c) Gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm thông qua phần mềm chấm điểm gồm:

- Kết quả tự đánh giá, chấm điểm theo từng tiêu chí được phê duyệt.

- Ý kiến giải trình chi tiết đối với điểm số tự chấm của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần và hồ sơ tài liệu kiểm chứng có liên quan; Biểu chấm điểm chiết xuất từ phần mềm được ký, đóng dấu gửi đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định thông qua phần mềm chấm điểm.

### **Điều 9. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm**

#### **1. Hội đồng thẩm định**

Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, thành phần gồm có:

a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

b) Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

c) Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định là Thành viên Hội đồng thẩm định.

#### **2. Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định**

a) Tổ trưởng Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định là một (01) Thành viên Hội đồng thẩm định (Phó Giám đốc Sở Nội vụ).



b) Tổ viên Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định là công chức của các phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và các đơn vị liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Trưởng phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ là Thư ký Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định.

d) Số lượng Thành viên Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

đ) Sở Nội vụ là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định được sử dụng con dấu của Sở Nội vụ trong quá trình hoạt động.

e) Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định hoạt động kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

### **3. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm**

a) Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương với nội dung tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công.

b) Gửi kết quả thẩm định đến Chủ tịch Hội đồng thẩm định đúng thời gian quy định.

c) Tổng hợp kết quả thẩm định và đề xuất việc xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

### **4. Căn cứ thẩm định**

a) Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Hồ sơ, tài liệu để chứng minh cho kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Thông tin, số liệu có liên quan từ các cơ quan chuyên môn cung cấp và các cơ quan khác có liên quan.

d) Đối với một số tiêu chí cần có thông tin chuyên ngành mà các báo cáo tự đánh giá, chấm điểm; tài liệu kiểm chứng của các cơ quan, đơn vị, địa phương không có thì khai thác, truy vấn các báo cáo, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức liên quan. Trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra, xác minh thực tế.

đ) Chỉ thực hiện thẩm định đối với các tiêu chí có đủ tài liệu kiểm chứng, căn cứ, số liệu minh chứng và giải trình chi tiết, rõ ràng.

**5. Thời gian thực hiện:** Tối đa 50 ngày làm việc, từ ngày nhận được báo cáo tự đánh giá chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **Điều 10. Phê duyệt và công bố kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

1. Sở Nội vụ (cơ quan thường trực) chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổng hợp điểm thẩm định của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Công bố xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Cơ quan, đơn vị, địa phương đã được xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhưng sau đó phát hiện có khuyết điểm, vi phạm, không bảo đảm tiêu chuẩn của mức xếp loại thì Sở Nội vụ báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hủy bỏ kết quả và xếp loại lại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

## **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

a) Thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá, chấm điểm nêu tại Quy chế này và báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) đúng thời gian quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8, Quy chế này.

b) Căn cứ Quy chế này và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, ban hành Quy chế, tổ chức đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm đối với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn.

c) Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Phân tích những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, lý do đối với các tiêu chí/nội dung có điểm số thấp, bị trừ điểm và đề ra giải pháp khắc phục sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả; đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm để củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

#### **2. Sở Nội vụ**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm theo Quy chế này.

b) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả.

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có thành tích xuất sắc.

d) Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình, kiểm điểm trách nhiệm đối với cơ quan, đơn vị, địa phương được xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ”. Xem xét xử lý trách nhiệm và bố trí công việc khác đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có “02 năm liên tiếp được xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ”.

đ) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định.

e) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung tiêu chí đánh giá theo Quy chế này.

g) Hướng dẫn các Cụm, Khối thi đua xây dựng Quy chế hoạt động, tiêu chí thi đua đảm bảo phù hợp với Quy chế này, nhằm đảm bảo tính thống nhất, khách quan, công bằng trong việc bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

h) Lập dự toán kinh phí thực hiện đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

i) Báo cáo, tham mưu cấp có thẩm quyền sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo Quy chế này để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và bình xét thi đua, khen thưởng khi kết thúc năm học 2024 - 2025 đối với Trường Cao đẳng Thái Nguyên, Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên.

**3. Các sở, ngành:** Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và các cơ quan liên quan

a) Đề xuất tiêu chí, phương pháp đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc trách nhiệm của ngành.

b) Cử công chức tham gia Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định theo Quy chế này. Thực hiện thẩm định điểm tự chấm của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc trách nhiệm của ngành.

**4. Báo Thái Nguyên, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh**

a) Tuyên truyền làm nổi bật mục tiêu, ý nghĩa, nâng cao nhận thức của Nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Phản ánh trung thực quá trình đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các thông tin chỉ đạo điều hành và đánh giá khách quan, chính xác kết quả thực hiện đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

#### **Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc về Sở Nội vụ để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Xếp loại chất lượng				Cơ quan thẩm định điểm tự đánh giá
					Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Kém	
<b>III</b>	<b>Thực hiện nội quy, quy chế và chế độ làm việc</b>	<b>20</b>							
1	Quy chế làm việc	1							Sở Nội vụ
2	Quy chế thực hiện quản lý tài chính, tài sản công	4							Sở Tài chính
3	Quy chế văn hóa công sở	2							Sở Nội vụ
4	Công tác đảm bảo an ninh trật tự, phong cháy, chữa cháy	1							Sở Nội vụ
5	Công tác tự vệ cơ quan	1							Sở Nội vụ
6	Chấp hành chế độ thông tin báo cáo theo quy định	1							Sở Nội vụ
7	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp, sáng kiến trong công tác	3							Sở Nội vụ
8	Công tác thi đua, khen thưởng	2							Sở Nội vụ
9	Công tác văn thư - lưu trữ	1							Sở Nội vụ
10	Thực hiện dân chủ ở cơ quan nhà nước	4							Sở Nội vụ
<b>IV</b>	<b>Công tác phối hợp với các đoàn thể để xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất trong nội bộ</b>	<b>2</b>							
1	Phối hợp giữa tập thể lãnh đạo và các đoàn thể	1							Sở Nội vụ
2	Xây dựng đoàn kết, thống nhất trong nội bộ	1							Sở Nội vụ
<b>V</b>	<b>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ chính trị; công tác cán bộ, xây dựng tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách hành chính</b>	<b>28</b>							
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ chính trị	2							Sở Nội vụ
2	Công tác cán bộ	6							Sở Nội vụ
3	Thực hiện chế độ công vụ	4							
4	Xây dựng tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế	4							



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Xếp loại chất lượng				Cơ quan thẩm định điểm tự đánh giá
					Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Kém	
VIII	<b>Việc sử dụng hiệu quả kết quả Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ hành chính, Chỉ số CCHC và kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm</b>	5							Sở Nội vụ
1	Phân tích tồn tại, hạn chế, tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm	1							
2	Kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém trong kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho năm tiếp theo	1							
3	Kết quả duy trì, cải thiện Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính hoặc kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức hằng năm của đơn vị, địa phương	3							
<b>NỘI DUNG III. KẾT QUẢ KHẮC PHỤC HẠN CHẾ, YẾU KÉM, KHUYẾT ĐIỂM ĐƯỢC CẤP CỠ THẨM QUYỀN KẾT LUẬN, CHỈ RA</b>		3							Sở Nội vụ
IX	Xây dựng kế hoạch, chương trình đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra trong các năm trước	1							
X	Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém được chỉ ra	2							





STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Xếp loại chất lượng				Cơ quan thẩm định điểm tự đánh giá
					Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Kém	
3	Quy chế văn hóa công sở	2							Sở Nội vụ
4	Công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy	1							Sở Nội vụ
5	Công tác tự vệ cơ quan	1							Sở Nội vụ
6	Chấp hành chế độ thông tin báo cáo theo quy định	1							Sở Nội vụ
7	<b>Nghiên cứu, đề xuất giải pháp, sáng kiến trong công tác</b>	3							Sở Nội vụ
8	Công tác thi đua, khen thưởng	2							
9	Công tác văn thư - lưu trữ	1							
10	Thực hiện dân chủ ở cơ quan nhà nước	4							
<b>IV</b>	<b>Công tác phối hợp với Mặt trận để xây dựng đoàn kết, thống nhất trong nội bộ</b>	<b>2</b>							Sở Nội vụ
1	Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cùng cấp	1							
2	Xây dựng đoàn kết, thống nhất trong nội bộ	1							
<b>V</b>	<b>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ chính trị; công tác cán bộ, xây dựng tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách hành chính</b>	<b>28</b>							
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ chính trị	2							Sở Nội vụ
2	Công tác cán bộ	6							Sở Nội vụ
3	Thực hiện chế độ công vụ	4							Sở Nội vụ
4	Xây dựng tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế	4							Sở Nội vụ
5	Triển khai thực hiện cải cách hành chính	12							Các sở, ngành: Nội vụ; Thông tin và Truyền thông; Tư pháp

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Xếp loại chất lượng				Cơ quan thẩm định điểm tự đánh giá
					Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Kém	
<b>NỘI DUNG II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM</b>		<b>17</b>							
<b>VI</b>	<b>Xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình, Kế hoạch công tác hằng năm</b>	<b>6</b>							
1	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm	1							Sở Nội vụ
2	Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	5							Sở Nội vụ
<b>VII</b>	<b>Kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao</b>	<b>6</b>							
1	Nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	1							Văn phòng UBND tỉnh
2	Thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định	1,5							Sở Tài chính
3	Giải ngân vốn đầu tư công	2							Sở Tài chính
4	Thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1,5							Sở Tài chính
<b>VIII</b>	<b>Việc sử dụng hiệu quả kết quả Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ hành chính; Chỉ số CCHC và kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm</b>	<b>5</b>							Sở Nội vụ
1	Phân tích tồn tại, hạn chế, tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức hằng năm	1							
2	Kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém trong kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức cho năm tiếp theo	1							
3	Kết quả duy trì, cải thiện Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của địa phương	3							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Xếp loại chất lượng				Cơ quan thẩm định điểm tự đánh giá
					<i>Xuất sắc</i>	<i>Tốt</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Kém</i>	
<b>NỘI DUNG III. KẾT QUẢ KHẮC PHỤC HẠN CHẾ, YẾU KÉM, KHUYẾT ĐIỂM ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN KẾT LUẬN, CHỈ RA</b>		<b>3</b>							Sở Nội vụ
<b>IX</b>	Xây dựng kế hoạch, chương trình đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra trong các năm trước	1							
<b>X</b>	Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém được chỉ ra	2							







STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Xếp loại chất lượng				Cơ quan thẩm định điểm tự đánh giá
					<i>Xuất sắc</i>	<i>Tốt</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Kém</i>	
<b>VIII</b>	<b>Việc sử dụng hiệu quả kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm</b>	<b>5</b>							Sở Nội vụ
1	Phân tích tồn tại, hạn chế, tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức hằng năm	1							
2	Kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém trong kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho năm tiếp theo	1							
3	Việc duy trì, cải thiện kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm	3							
	<b>NỘI DUNG III. KẾT QUẢ KHẮC PHỤC HẠN CHẾ, YẾU KÉM, KHUYẾT ĐIỂM ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN KẾT LUẬN, CHỈ RA</b>	<b>3</b>							Sở Nội vụ
<b>IX</b>	Xây dựng kế hoạch, chương trình đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra trong các năm trước	1							
<b>X</b>	Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém được chỉ ra	2							







STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Xếp loại chất lượng				Cơ quan thẩm định điểm tự đánh giá
					Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Kém	
6	Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin	5							Sở Thông tin và Truyền thông
7	Công tác phối hợp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	1							Sở Tư pháp
<b>NỘI DUNG II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM</b>		<b>15</b>							
<b>VI</b>	<b>Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn</b>	<b>6</b>							Sở Nội vụ
1	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, điều lệ Hội, phương hướng phát triển về lĩnh vực Hội hoạt động	1							
2	Xây dựng Chương trình, Kế hoạch công tác năm	1							
3	Kết quả thực hiện Chương trình, Kế hoạch công tác năm	2							
4	Thực hiện sự phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực Hội hoạt động	2							
<b>VII</b>	<b>Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao</b>	<b>4</b>							
1	Nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	2							Văn phòng UBND tỉnh
2	Thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2							Sở Tài chính
<b>VIII</b>	<b>Việc sử dụng hiệu quả kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức hằng năm</b>	<b>5</b>							Sở Nội vụ
1	Phân tích tồn tại, hạn chế, tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức hằng năm	1							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Xếp loại chất lượng				Cơ quan thẩm định điểm tự đánh giá
					Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Kém	
2	Kế hoạch hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém trong việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho năm tiếp theo	1							
3	Kết quả duy trì, cải thiện việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm	3							
<b>NỘI DUNG III. KẾT QUẢ KHẮC PHỤC HẠN CHẾ, YẾU KÉM KHUYẾT ĐIỂM ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN KẾT LUẬN, CHỈ RA</b>		<b>3</b>							Sở Nội vụ
<b>IX</b>	Xây dựng Kế hoạch, chương trình đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra	1							
<b>X</b>	Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém được chỉ ra	2							